

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2022/HSST
Ngày: 22/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương
Ông Hà Minh Thắng
Nguyễn Trọng Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hằng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 152/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST– HS ngày 07/11/2022 đối với bị cáo:

Lê Thị L; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1981, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: 22/6 Đường N, phường S, TP Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp khi phạm tội: kế toán Trung tâm dịch V tỉnh Thanh Hóa, đã bị sa thải theo Quyết định số 121/QĐ-TTĐVVL ngày 12/11/2018 của Trung tâm dịch vụ việc làm; Là đảng viên đảng cộng sản đã bị xóa tên trong danh sách đảng viên theo Quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên số 576-QĐ/ĐUK ngày 20/5/2019 của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Thanh Hóa; Con ông: Lê Văn T; và bà: Ngô Thị H, sinh năm 1956; ở phường A, TP Thanh Hóa; Chồng: Nguyễn Phi S; Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/03/2022. Có mặt.

****Người bào chữa:*** Ông Nguyễn Hữu G - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH N, Đoàn luật sư Thanh Hóa. Có mặt.

****Người bị hại:*** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959. Có mặt.

Địa chỉ: Số 12, phố S, phường H, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị L là kế toán của Trung tâm dịch vụ V trực thuộc Sở L, năm 2015 do nợ tiền của nhiều người (theo L khai báo là do chơi lô đề) nên vợ chồng Lê Thị L đã phải bán nhà, đất để trả nợ. Tuy nhiên, sau đó Lê Thị L vẫn tiếp tục chơi lô đề và nợ thêm tiền của nhiều người. Do cần tiền trả nợ và chơi lô đề nên vào tháng 6/2018, thông qua mối quan hệ quen biết với bà Phạm Thị L, Lê Thị L đã đưa ra thông tin gian dối là cần vay tiền để đảo nợ ngân hàng cho các cá nhân, doanh nghiệp nên bà L tin tưởng cho bị cáo L vay tiền nhiều lần, các lần vay này bị cáo L đều dùng trả nợ, đánh lô đề, khi trúng lô đề thì bị cáo L trả tiền gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn cho bà L.

Đầu tháng 10/2018, bị cáo L gặp bà L và đưa ra thông tin cần vay tiền để đảo nợ ngân hàng cho người quen nên bà L tin tưởng cho bị cáo L vay số tiền 1.010.000.000 đồng. Đến ngày 12/10/2018 cũng với lý do trên bị cáo L tiếp tục vay bà L số tiền 1.200.000.000 đồng. Do chưa trả khoản vay trước nên giữa bà L và bị cáo L thống nhất viết giấy vay tổng số tiền 2.210.000.000 đồng, thời hạn trả gốc, lãi là 18/10/2018. Đến ngày 18/10/2018, Lê Thị L tiếp tục vay bà L 600.000.000 đồng, hẹn đến 23/10/2018 trả; ngày 19/10/2018, bị cáo L tiếp tục vay thêm bà L 1.500.000.000 đồng (đều viết giấy vay tiền) cùng với lý do để đảo nợ ngân hàng cho người quen, hẹn đến 25/10/2018 sẽ trả đủ tổng số tiền gốc của các lần vay là 4.310.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận là 2000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tuy nhiên vào ngày 23/10/2018, Lê Thị L đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không liên lạc được, không trả nợ và không trao đổi với bà L về việc trả nợ. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với bị can Lê Thị L, ngày 17/3/2022 Lê Thị L bị bắt truy nã và khai báo đã sử dụng toàn bộ số tiền của bà L vào việc mua số lô đề nên mất khả năng trả nợ, phải bỏ trốn để tránh việc bị bà L đòi nợ.

Kết luận giám định các giấy vay tiền đều là chữ ký, chữ viết của Lê Thị L.

Lê Thị L khai mua số lô đề của các chị Nguyễn Thị M, Lê Thị Y, qua xác minh chị M không có mặt ở địa phương từ 2018 đến nay không rõ địa chỉ; đối với chị Lê Thị Y không thừa nhận có liên quan đến việc mua bán số lô đề, bị can Lê Thị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, do đó không có căn cứ xử lý hành vi đánh bạc đối với Nguyễn Thị M và Lê Thị Y.

Đối với việc bà Phạm Thị L cho bị cáo vay tiền với lãi xuất thỏa thuận 2000 đồng/01 triệu/01 ngày, đối chiếu quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi xuất hai bên được tính gấp 3,6 lần mức lãi xuất quy định nên không đủ căn cứ xử lý hình sự hành vi của bà L về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Quá trình điều tra, bị can thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

- *Phần dân sự*: Bà Phạm Thị L yêu cầu Lê Thị L phải trả cho bà toàn bộ số tiền 4.310.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS- P3, ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá truy tố Lê Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 174 BLHS.

* *Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa*: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 174 BLHS.

- *Về trách nhiệm hình sự:* Áp dụng Khoản 4 Điều 174; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS Bộ luật Hình sự.

Đề nghị mức án: **16 năm đến 17 năm tù.**

- *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 4.310.000.000đ.

- *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* *Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà VKSND tỉnh Thanh Hóa đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn. Đề nghị áp dụng Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS để quyết định cho bị cáo một hình phạt nhẹ hơn hình phạt mà đại diện VKS đề nghị.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan CSĐT, điều tra viên Công an tỉnh Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa của bị cáo xác định:

Do cần tiền để trả nợ và chơi lô đề nên vào tháng 10/2018, Lê Thị L đã bị cáo L dụng mối quan hệ quen biết với bà Phạm Thị L để đưa ra thông tin gian dối về việc cần vay tiền đảo nợ ngân hàng cho các cá nhân, doanh nghiệp để vay của bà L 03 lần với tổng số tiền 4.310.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Lê Thị L đã sử dụng vào việc chơi lô đề, chi tiêu cá nhân và bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án và thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa. Do tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 4.310.000.000 đồng. Nên HĐXX đủ cơ sở kết luận: Lê Thị L đã phạm vào tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét nhân thân và trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi đưa ra thông tin gian dối để chủ sở hữu tin tưởng giao tài sản sau đó chiếm đoạt chi tiêu cá nhân của bị can là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội; bị can là người có năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi dùng các thông tin gian dối để tạo lòng tin đối với bị hại để lấy tài sản là Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

của bị hại 4.310.000.000 đồng và chưa hề bồi thường cho bị hại. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm hành vi của bị cáo trước pháp luật.

Lê Thị L phạm tội có tình tiết tăng nặng đó là: Phạm tội 02 lần trở lên; quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS. Với hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt vì quá trình điều tra thành khẩn khai báo, bố để bị cáo có công với cách mạng. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị L yêu cầu Lê Thị L phải trả cho bà toàn bộ số tiền 4.310.000.000 đồng đã chiếm đoạt, nên chấp nhận buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong thời hạn do luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 BLHS 2015; Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị L 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày 17/03/2022.

*** Trách nhiệm dân sự:** Buộc Lê Thị L phải bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền 4.310.000.000 đồng

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định Điều 357, Khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự bị cáo phải chịu 115.100.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao HN.
- VKSND Cấp cao Hn
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- Công an tỉnh Thanh Hóa
- Cục thi hành án tỉnh Thanh Hóa
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Dung